

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST  
Ngày: 07/6/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa về thanh toán nợ.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Thanh;
- Ông Bồ Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa về thanh toán nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: Lô A (khu D), đường D, khu công nghiệp R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Sun D, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số B, khu phố C, đường B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, (theo Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2024).

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: T đất số 206, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Mỹ X – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2023, Bản tự khai ngày 01/02/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn

**Công ty TNHH V** là bà **Trương Phương L**, bà **Nguyễn Thị Kiều N** trình bày: Trong năm 2022 và năm 2023 **Công ty TNHH V** (viết tắt là **Công ty V**) bán cho **Công ty TNHH Đ** (viết tắt là **Công ty Đ**) là keo các loại. Việc mua bán không lập hợp đồng. Căn cứ theo yêu cầu, **Công ty V** Thâm giao keo các loại cho **Công ty Đ** có tổng giá trị là 212.273.000 đồng, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. **Công ty V** đã xuất các hóa đơn VAT sau:

Số 4387 ngày 26/03/2022 số tiền 27.797.000 đồng (đã thanh toán 19.360.000 đồng); Số 825 ngày 26/08/2022 số tiền 28.600.000 đồng; Số 1028 ngày 28/09/2022 số tiền 27.126.000 đồng; Số 1240 ngày 30/10/2022 số tiền 42.130.000 đồng; Số 528 ngày 27/04/2023 số tiền 32.340.000 đồng (đã thanh toán 13.115.000 đồng); 3 đơn hàng tháng 05/2023 số tiền 25.780.000 đồng, tháng 06/2023 số tiền 18.950.000 đồng và tháng 7/2023 số tiền 9.550.000 đồng, không xuất hóa đơn.

Tính đến ngày 20/12/2023, **Công ty Đ** còn nợ **Công ty V** Thâm 169.798.000 đồng. Do đó, **Công ty V** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **Công ty Đ** thanh toán cho **Công ty V** Thâm 169.798.000 đồng. Không yêu cầu thanh toán lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Bản sao Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/10/2023, 21/01/2024; Bản sao 18 phiếu xuất hàng; Bản sao 05 hóa đơn giá trị gia tăng; Bản sao bảng đối chiếu công nợ tháng 3/2022, 8/2022, 9/2022, 10/2022, 4/2023, 5/2023, 6/2023, 7/2023, 01/2024.

Bị đơn **Công ty Đ** đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; văn bản triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/3/2024, 25/4/2024; tham gia phiên tòa ngày 20/5/2024 và 07/6/2024 nhưng **Công ty Đ** vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công văn số 573/ĐKKD ngày 16/4/2024 của **Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B** thể hiện: **Công ty TNHH Đ**, mã số **doanh nghiệp C**; địa chỉ: **T** đất số 206, tờ bản đồ số 8, **ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: **Công ty Đ** mua hàng của **Công ty V**, còn nợ 169.798.000 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/10/2023, 21/01/2024, có ký nhận của đại diện **Công ty Đ**. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty V Thâm khởi kiện Công ty Đ có trụ sở chính tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Công ty Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa ngày 20/5/2024 và ngày 07/6/2024 nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty Đ.

[3] Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán 169.798.000 đồng tiền nợ mua Keo theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/10/2023 và 21/01/2024, có xác nhận của Công ty Đ. Công ty Đ đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ thanh toán số tiền 169.798.000 đồng còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH Đ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa về thanh toán nợ.

Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH V 169.798.000 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/10/2023 và ngày 24/01/2024 giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Đ phải chịu 8.489.900 đồng (tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH V (Bốn triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003642 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Huế**